**BẢN GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ ĐỐI VỚI**

**HỒ SƠ NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Ngày 20/02/2020, Bộ Công an đã có công văn gửi các Bộ đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Đến nay, đã có **08/10** bộ có ý kiến tham gia, trong đó, 03 bộ nhất trí hoàn toàn (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nội vụ, Tài chính), một số ý kiến về kỹ thuật, Bộ Công an đã tiếp thu vào các dự thảo; một số ý kiến khác tham gia vào dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

**I. Đối với dự thảo Nghị định**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dự thảo Nghị định** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| **Tên Nghị định:**  Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam | **- Bộ Ngoại giao có ý kiến:** Để đảm bảo phân biệt với các Nghị định khác của Chính phủ hướng dẫn Luật xuất nhập cảnh của người nước ngoài (trong đó có một số dự thảo Nghị định hướng dẫn của Chính phủ đang được cơ quan chủ trì lấy ý kiến), đề nghị cân nhắc chỉnh sửa tên gọi theo hướng Nghị định quy định chi tiết khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. | - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác, tại khoản 17 Điều 1 Luật số 51/2019/QH14 còn quy định giao Chính phủ quy định việc người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua Cổng kiểm soát tự động và nội dung này được quy định tại Nghị định quy định về việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động. |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  |  |
| 1. Nghị định này quy định về việc người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam. | **- Bộ Ngoại giao** đề nghị cân nhắc điều chỉnh như sau: “1. Nghị định này quy định việc người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam”. | - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật số 51/2019/QH14 (giao Chính phủ quy định việc người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam). |
| 2. Cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam. |  |  |
| 3. Hình thức cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. |  |  |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  |
| Nghị định này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan. |  |  |
| **Điều 3. Cấp thị thực cho người nước ngoài vào khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu kinh tế ven biển đến các địa điểm khác của Việt Nam.** |  |  |
| 1. Người nước ngoài vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo diện miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, có nhu cầu đi đến các địa điểm khác của Việt Nam thì thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam làm thủ tục đề nghị cấp thị thựctại cơ quản quản lý xuất nhập cảnh. | **- Bộ Ngoại giao:** Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Người nước ngoài đã vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú và người nước ngoài tại Việt Nam và khoản 7 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, có nhu cầu đến các địa điểm khác của Việt Nam khi thời hạn thị thực theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Luật này gần hoặc đã hết thì thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh của Việt Nam làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phụ trách khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển”. Sửa đổi trên nhằm đảm bảo phù hợp đúng nhiệm vụ Chính phủ được giao trong Luật; cụ thể và dễ thực hiện, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài. | - Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phù hợp với quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật số 51/2019/QH14; trường hợp nhập cảnh bằng thị thực nếu có nhu cầu cấp thị thực mới thì vẫn đang thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật số 47/2014/QH13. |
| 2. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp thị thực  a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực kèm theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người nước ngoài tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh;  b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thị thực. | **- Bộ Tư pháp** cho rằng việc cấp thị thực cho đối tượng này được thực hiện tương tự quy định thủ tục cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh quy định tại Điều 19 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc không quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định và chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng trình tự, thủ tục cấp thị thực đối với trường hợp này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. | - Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng: trình tự, thủ tục cấp thị thực đối với trường hợp này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. |
| **- Bộ Ngoại giao:** Điều 10 và Điều 19 Luật về xuất nhập cảnh của người nước ngoài đã quy định điều kiện cấp thị thực và việc cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao. Trên cơ sở này, đề nghị Quý Bộ cân nhắc dẫn chiếu đến quy định tại Luật xuất nhập cảnh của người nước ngoài để thống nhất, tránh trùng lặp nội dung đã được quy định tại Luật. |
| **- Bộ Quốc phòng:** Đề nghị bổ sung 01 khoản sau Khoản 2, nội dung như sau: “*3. Đối với thuyền viên, hành khách nước ngoài không thuộc diện miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam, đi trên tàu biển vào khu kinh tế ven biển có nhu cầu đi đến các địa điểm khác của Việt Nam được xem xét cấp thị thực theo quy định của tại điểm c, đ, Khoản 1, Điều 18 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014*”. Lý do: Phù hợp với quy định về cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế quy định tại Điểm c, đ, khoản 1 Điều 18 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014. | - Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì điểm c, đ khoản 1 Điều 18 chỉ áp dụng đối với người nước ngoài chưa nhập cảnh Việt Nam; người nước ngoài đã nhập cảnh và đang tạm trú tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục cấp thị thực theo quy định tại Điều 19 Luật số 47/2014/QH13. |
| 3. Đối với công dân các nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo diện miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu đi đến các địa điểm khác của Việt Nam thì thực hiện như sau: |  |  |
| a. Đối với trường hợp đã tạm trú chưa đến 15 ngày thì đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh hủy chứng nhận tạm trú cũ và cấp chứng nhận tạm trú mới với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh. | **- Bộ Tư pháp** đề nghị cân nhắc làm rõ nội dung này để đảm bảo tính khả thi do dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể về cách thức hủy chứng nhận tạm trú cũ đối với trường hợp nói trên. | - Bộ Công an tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng: đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh đóng dấu “hết giá trị” vào chứng nhận tạm trú cũ. |
| - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Về cấp chứng nhận tạm trú mới đối với công dân các nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo diện miễn thị thực có nhu cầu đi đến các địa điểm khác của Việt Nam (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định): đề nghị cân nhắc quy định rõ trường hợp công dân được miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển nhưng ở tại kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển một thời gian rất ngắn (ví dụ dưới 05 ngày), thời gian còn lại phục vụ mục đích chính là đi đến địa điểm khác của Việt Nam. | - Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đối với trường hợp công dân các nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển tạm trú dưới 15 ngày có nhu cầu đi đến các địa điểm khác của Việt Nam thì cấp chứng nhận tạm trú mới với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh (đóng dấu “hết giá trị” vào chứng nhận tạm trú cũ). |
| **- Bộ Ngoại giao:** đề nghị chỉnh sửa để làm rõ hơn như sau: “Đối với …. thì đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh hủy chứng nhận tạm trú cũ và cấp chứng nhận tạm trú mới miễn phí với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu”. | - Bộ Công an tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng: Đối với trường hợp đã tạm trú chưa đến 15 ngày thì đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh đóng dấu hết giá trị vào chứng nhận tạm trú cũ và cấp chứng nhận tạm trú mới với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh. Về mức thu phí trong lĩnh vực xuất nhập cảnh do Bộ Tài chính quy định (Thông tư 219/2016/TT-BTC không quy định thu phí cấp chứng nhận tạm trú). |
|  | - Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định nhằm giải quyết những trường hợp đã phát sinh trên thực tế như: (i) người nước ngoài có chặng bay liên tục với đích đến là khu kinh tế ven biển nhưng không có đường bay trực tiếp nên phải chuyển tiếp tại một trong các sân bay nội địa của Việt Nam để bay đến khu kinh tế ven biển; (ii) người nước ngoài đến một cửa khẩu quốc tế Việt Nam (đường hàng không hoặc đưởng biển), lưu tại khu vực quá cảnh ở cửa khẩu đó (chưa nhập cảnh), rồi chuyển tiếp đến khu kinh tế ven biển/khu kinh tế cửa khẩu. | - Bộ Công an đề nghị không bổ sung nội dung này vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Mặt khác, đối với vấn đề Bộ Ngoại giao nêu thuộc quy trình kiểm soát xuất nhập cảnh. |
| b. Đối với trường hợp đã tạm trú từ 15 ngày trở lên thì thực hiện thủ tục cấp thị thực theo quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  |
| **Điều 4. Cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam**  1. Người nước ngoài có nhu cầu vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam phải thông qua cơ quan chức năng của Bộ Công Thương để làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh;  2. Cơ quan chức năng của Bộ Công Thương có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận thông tin của người đề nghị cấp thị thực phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh;  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp thị thực, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan đề nghị cấp thị thực. | **- Bộ Tư pháp:** Về cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam (Điều 4), khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định dự kiến giao cơ quan chức năng của Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy, Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương không quy định cụ thể về chức năng của Bộ Công Thương trong việc tiếp nhận và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp thị thực. Bên cạnh đó, dự thảo Tờ trình chưa có đánh giá về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành trách nhiệm này của Bộ Công Thương. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc:  - Làm rõ tại Tờ trình Chính phủ về cơ sở pháp lý đối với quy định này.  - Tham khảo ý kiến của Bộ Công Thương về vấn đề này nhằm đảm bảo có đủ nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành nếu được Chính phủ thông qua.  - Trong trường hợp cần thiết quy định nội dung này tại Nghị định, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ trao đổi và thống nhất ý kiến với Bộ Công Thương để quy định cụ thể về: (i) cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương và (ii) trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý của Bộ Công Thương khi người nước ngoài đề nghị cấp thị thực (như hồ sơ gửi tới Bộ Công Thương; thời hạn kiểm tra, xác nhận thông tin của người đề nghị cấp thị thực; việc thông báo cho người nước ngoài để nhận thị thực …). | - Tiếp thu ý kiến của các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ngoại giao, Bộ Công an chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng “Người nước ngoài có nhu cầu vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam phải thông qua cơ quan được Chính phủ giao chủ trì triển khai thực hiện điều ước quốc tế đó để làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh”. |
| **- Bộ Công Thương:** Điều 4 của dự thảo Nghị định quy định Bộ Công Thương là cơ quan trực tiếp nhận hồ sơ của người nước ngoài và tiến hành các bước kiểm tra, xác nhận thông tin của người đề nghị và gửi hồ sơ đề nghị cấp thị thực tới cơ quan quản lý xuất nhập cảnh là không đảm bảo tính khả thi trong việc triển khai thực hiện vì:  - Bộ Công Thương không phải là cơ quan được Chính phủ giao thẩm quyền, chức năng tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra thông tin nhân thân và các thông tin khác liên quan của người nước ngoài vào Việt Nam;  - Bộ Công Thương không có đủ nguồn lực cần thiết để tiến hành các bước kiểm tra, xác minh nhân thân và các thông tin liên quan đến người nước ngoài vào Việt Nam. Nhiệm vụ này cần giao cho một cơ quan khác có đủ thẩm quyền và nguồn lực thực hiện để đảm bảo tính khả thi trong việc triển khai thực hiện.  Bộ Công Thương đề nghị điều chỉnh nội dung Điều 4 dự thảo Nghị định theo hướng Chính phủ giao việc kiểm tra, xác minh nhân thân và các thông tin khác liên quan đến người nước ngoài vào Việt Nam cho một cơ quan có chức năng, thẩm quyền về quản lý người nước ngoài tiếp nhận, xem xét, kiểm tra thông tin của người nước ngoài, lấy ý kiến các cơ quan liên quan (trong đó có ý kiến của Bộ Công Thương về cam kết quốc tế của Việt Nam là thành viên) và làm thủ tục đề nghị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của pháp luật. |
| - **Bộ Thông tin và Truyền thông:** Điều 4 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định: “…phải thông qua cơ quan chức năng của Bộ Công Thương làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh”, đề nghị làm rõ quy định này áp dụng riêng cho điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực thương mại (FTA) hay cả các điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực, ngành khác mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên. |
| **- Bộ Ngoại giao**: như đã nêu tại phần I.1 công văn này, đề nghị Quý Bộ bổ sung đánh giá tác động, cơ sở thực tiễn của việc đề xuất Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận thông tin và làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Trong trường hợp phương án giao cho Bộ Công thương là khó khả thi, đề nghị cân nhắc tạo điều kiện hơn nữa cho việc cấp thị thực cho đối tượng này theo phương án họ chỉ phải bổ sung giấy xác nhận về mục đích nhập cảnh do thể nhân nước ngoài cấp trong hồ sơ đề nghị cấp thị thực (tương tự như quy định tại Điều 10.45 Luật xuất nhập cảnh của người nước ngoài). |
|  |
|  |
| **Điều 5. Hình thức cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam** |  |  |
| 1.Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh bằng hình thức đóng dấu vào hộ chiếu hoặc thị thực rời, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. |  |  |
| 2.Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh không cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động. | **- Bộ Quốc phòng**: đề nghị viết lại như sau: “*2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cấp thị thực tạm trú cho người xuất nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động”*. Lý do: Phù hợp với ý kiến tham gia của Bộ Quốc phòng về bổ sung đối tượng sử dụng giấy thông hành để xuất nhập cảnh qua cổng kiểm soát xuất nhập cảnh tự động tại văn bản tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định về việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu; cổng kiểm soát xuất nhập cảnh tự động. | **- Bộ Công an** đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì khoản này chỉ quy định về hình thức cấp chứng nhận tạm trú đối với người nước ngoài xuất nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động. Đối tượng áp dụng xuất nhập cảnh quả cổng kiểm soát tự động được quy định tại dự thảo Nghị định quy định về việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu; cổng kiểm soát xuất nhập cảnh tự động. |
|  | - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Về hình thức cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị định: Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định “không cấp chứng nhận tạm trú” cho người nước ngoài nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động là một hình thức “cấp chứng nhận tạm trú” là không phù hợp. Mặt khác, quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị định được hiểu là người nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động không được cấp chứng nhận tạm trú (theo khoản 2) và không được đóng dấu chứng nhận tạm trú vào hộ chiếu hoặc thị thực rời (theo khoản 1). Vậy, đề nghị quy định rõ hình thức chứng nhận nhận tạm trú đối với người nước ngoài nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động. | - Về ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich và ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an giải trình như sau: Hiện nay, Bộ Công an được Chính phủ giao xây dựng Nghị định quy định về việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động. Dự thảo Nghị định này quy định cụ thể về đối phạm vi, đối tượng người nước ngoài xuất nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động, theo đó người nước ngoài phải có thẻ thường trú, thẻ tạm trú mới thuộc trường hợp được xuất cảnh, nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động. Theo quy định của Luật số 47/2014/QH13 và Luật số 51/2019/QH14 thì người nước ngoài sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú nhập cảnh Việt Nam thì không cấp chứng nhận tạm trú. Do vậy, dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định trên. |
|  | **- Bộ Ngoại giao:** Đề nghị bổ sung quy định làm rõ phạm vi, đối tượng người nước ngoài nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động và phương thức cấp chứng nhận tạm trú đối với nhóm đối tượng này. |
| **Điều 6. Hiệu lực thi hành**  Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng …. năm…. |  |  |
| **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**  Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  |

**II. Đối với dự thảo Tờ trình:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Cơ quan tham gia ý kiến** | **Ý kiến tham gia** | **Tiếp thu, giải trình** |
| 1. | Bộ Tư pháp | - Về việc cấp thị thực cho công dân các nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam (khoản 3 Điều 3), theo mục I.1 dự thảo Tờ trình, đây là trường hợp phát sinh và chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiến hành đánh giá tác động chính sách của quy định này theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Công an tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình cho phù hợp. Đồng thời, chỉnh lý lại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng trình tự, thủ tục cấp thị thực đối với trường hợp này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (đề nghị không bổ sung báo cáo đánh giá tác động do không phát sinh chính sách mới). |
| 2. | Bộ Quốc phòng | - Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý tiêu đề của dự thảo Tờ trình thành “Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam”.  - Về bố cục, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, thực hiện theo mẫu 03, Phụ lục số V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.  - Về nội dung:  + Phần I, đề nghị điều chỉnh kết cấu lại thành 02 mục: Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.  + Phần II, đề nghị nghiên cứu chỉ rõ mục đích và quan điểm chỉ đạo trong việc xây dựng dự thảo Nghị định và bố cục thành 2 mục gồm Mục đích và Quan điểm chỉ đạo.  + Phần IV, đề nghị chuyển mục 1 (Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định) vào Mục 2 (Bố cục của dự thảo Nghị định) và kết cấu lại thành 2 mục gồm Bố cục và Nội dung cơ bản. | Bộ Công an rà soát, chỉnh lý để phù hợp với mẫu 03, Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. |
| 3. | Bộ Ngoại giao | - Tại mục I.3, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu âu (EVFTA) quy định người chào bán dịch vụ và khách kinh doanh vì mục đích thành lập được nhập cảnh và tạm trú với thời hạn tối đa được phép là 90 ngày. Bên cạnh đó, các hiệp định FTA mà ta đã ký kết với một số nước (như Nhật Bản, Hàn Quốc…) trước khi ký kết EVFTA cũng có quy định tương tự về thời hạn nhập cảnh và cư trú cho đối tượng này. Do đó, đề nghị Quý Bộ điều chỉnh lại được cấp thị thực cho đối này là 90 ngày tại dòng thứ 4 mục I.3 của dự thảo Tờ trình Chính phủ cho phù hợp với quy định của hiệp định EVFTA và FTA hiện nay của Việt Nam. | - Bộ Công an tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo hướng bổ sung nội dung: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) người nước ngoài vào thành lập hiện diện thương mại (không có cơ quan, tổ chức tại Việt Nam mời, bảo lãnh) được cấp thị thực đến 12 tháng. |
| - Tại mục IV.3.2 về việc cấp thị thực cho người nước ngoài vào thành lập hiện diện thương mại và chào bán dịch vụ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam (đứng ra làm thủ tục mời, bảo lãnh), đề nghị quý Bộ có đánh giá tổng kết thực tiễn quy trình xem xét cấp thị thực cho các đối tượng này trong những năm vừa qua để có đề xuất phù hợp. Trường hợp quý Bộ đề xuất giao Bộ Công Thương có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận thông tin và làm thủ tục đề nghị cấp thị thực cho đối tượng này, đề nghị bổ sung đánh giá tác động về bộ máy, biên chế của đề xuất này. | - Về vấn đề này, Bộ Công an xin giải trình như sau: tại Tờ trình Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đánh giá đây là vấn đề mới cần bổ sung quy định vào Luật để thực hiện.  - Về cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thị thực, Bộ Công an đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định và Tờ trình theo hướng: thông qua cơ quan được Chính phủ giao chủ trì triển khai thực hiện điều ước quốc tế đó. |
| - Tại Mục I.4, dự thảo Tờ trình nêu “Luật số 51/2019 không quy định về hình thức cấp chứng nhận tạm trú đối với người nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động”, do đó đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh không cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài qua cổng kiểm soát tự động. Đề nghị quý bộ có thể bổ sung cơ chế để có thể kiểm soát, quản lý đối tượng người nước ngoài này sau khi nhập cảnh (bằng cổng kiểm soát tự động) và quy trình, cách thức để được cấp thẻ tạm trú hoặc chứng nhận tạm trú cho đối tượng này. | - Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo như đã giải trình tại Điều 5 dự thảo Nghị định. |